

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

E-ĐKC 1.1	Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông. Địa chỉ: Số 03 Nguyễn Thị Diệu, phường Xuân Hòa, Tp. Hồ Chí Minh. Điện thoại:
E-ĐKC 1.3	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu]
E-ĐKC 1.10	Địa điểm dự án: Thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 1.11	Ngày hợp đồng có hiệu lực: <i>Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày hai bên ký hợp đồng</i>
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu khác: Các tài liệu cấu thành Hợp đồng được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên sau đây: 1. Văn bản hợp đồng; 2. Phụ lục hợp đồng gồm: - Phụ lục A: Điều khoản tham chiếu; - Phụ lục B: Danh sách chuyên gia tham gia dịch vụ tư vấn; - Phụ lục C: Trách nhiệm báo cáo của Nhà thầu; - Phụ lục D: Bảng giá hợp đồng; 3. Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu; 4. Kết quả thương thảo hợp đồng; 5. Điều kiện cụ thể (E-ĐKCT); 6. Điều kiện chung (E-ĐKC); 7. Hồ sơ dự thầu (E-HSDT) của nhà thầu và các văn bản sửa đổi, bổ sung làm rõ E-HSDT; 8. Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) được phê duyệt và các văn bản sửa đổi bổ sung làm rõ E-HSMT; 9. Các tài liệu có liên quan. Trong trường hợp có sự không rõ ràng hoặc không thống nhất giữa các tài liệu nêu trên thì thứ tự ưu tiên các tài liệu sẽ là thứ tự các tài liệu được liệt kê nêu trên.
E-ĐKC 4.1	Việc sử dụng tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng: Chi tiết theo hoàn thiện và ký kết hợp đồng.
E-ĐKC 5.1	Các trường hợp khác: Không áp dụng.

E-ĐKC 7	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 8	Giá hợp đồng bao gồm toàn bộ các chi phí, lãi và bất kỳ khoản thuế nào mà nhà thầu phải nộp. Giá hợp đồng là không đổi đối với phạm vi công việc nêu trong hợp đồng và điều khoản tham chiếu. Giá trị hợp đồng nêu tại Mục 1 là tạm tính, giá trị hợp đồng cuối cùng là giá trị quyết toán do cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.
E-ĐKC 10	1. Phương thức thanh toán: - Tạm ứng, thanh toán bằng chuyển khoản 100%. 2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng. 3. Thời hạn thanh toán: Không chậm hơn 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ từ Nhà thầu. 4. Tạm ứng, thu hồi tạm ứng, tiền giữ lại và thanh toán: Trên cơ sở kế hoạch vốn được giao và được cơ quan cấp phát vốn chấp thuận, Chủ đầu tư sẽ thanh toán cho nhà thầu theo các đợt như sau: a) Tạm ứng và thu hồi tạm ứng: - Tạm ứng: Chủ đầu tư sẽ tạm ứng 20% giá trị Hợp đồng cho Nhà thầu sau khi nhận được các tài liệu sau: ✓ Hợp đồng được ký và có hiệu lực ✓ Bảo lãnh tạm ứng ✓ Yêu cầu tạm ứng từ Nhà thầu - Bảo lãnh tạm ứng: Nhà thầu được yêu cầu nộp một bảo lãnh tạm ứng được phát hành bởi ngân hàng hoặc một tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (bảo lãnh tạm ứng là vô điều kiện, không hủy ngang, có giá trị tương đương với khoản tạm ứng và có hiệu lực từ khi phát hành đến khi thu hồi hết khoản tạm ứng theo quy định hợp đồng). - Thu hồi tạm ứng: ✓ Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng ngay từ lần thanh toán đầu tiên. ✓ Chủ đầu tư sẽ thu hồi tạm ứng qua các lần thanh toán theo tỷ lệ thanh toán tương ứng và thu hồi hết khi giá trị

giải ngân đạt 80% giá trị hợp đồng. Mức thu hồi tạm ứng được xác định theo công thức sau:

Giá trị thu hồi tạm ứng = $[(\sum \text{Giá trị khối lượng nghiệm thu thanh toán} / \text{Giá trị hợp đồng}) \times (\text{Giá trị tạm ứng} / 0,8)] - \sum \text{Giá trị tạm ứng đã thu hồi}$.

b) Thanh toán hợp đồng:

- Tỷ lệ thanh toán

$$= \frac{\text{Giá trị hợp đồng}}{\text{Tổng giá trị dự kiến được kiểm toán}} * 100\%$$

- Giá trị thanh toán theo đợt: được xác định theo công thức sau:

Giá trị thanh toán theo đợt = (Tỷ lệ thanh toán) x (giá trị kiểm toán đợt được nghiệm thu)

(Giá trị kiểm toán đợt được nghiệm thu là giá trị được nhà thầu xác nhận kiểm toán nêu trong báo cáo kiểm toán đợt/hạng mục của gói thầu)

- Giá trị tối thiểu mỗi đợt thanh toán: ngoại trừ đợt thanh toán cuối cùng, giá trị tối thiểu của mỗi đợt thanh toán không nhỏ hơn 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

- Thanh toán đợt cuối: sau khi lũy kế giá trị thanh toán đạt 95% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư sẽ thanh toán phần còn lại của giá trị hợp đồng cho nhà thầu theo giá trị quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trong trường hợp giá trị quyết toán của cơ quan có thẩm quyền lớn hơn giá trị Nhà thầu đã nhận thanh toán hợp đồng trước đó thì Chủ đầu tư thanh toán phần chênh lệch còn lại cho Nhà thầu và ngược lại, trong trường hợp giá trị quyết toán của cơ quan có thẩm quyền nhỏ hơn giá trị Nhà thầu đã nhận thanh toán hợp đồng trước đó thì Nhà thầu hoàn trả giá trị chênh lệch cho Chủ đầu tư trong thời

	gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành của cơ quan có thẩm quyền. c) Hồ sơ thanh toán: Nhà thầu có trách nhiệm lập hồ sơ thanh toán của đơn vị mình. Hồ sơ thanh toán gồm: - Bảng xác định giá trị khối lượng công việc hoàn thành theo quy định tại Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ Quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công; - Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu và chủ đầu tư; - Bảng tính giá trị nội dung của các công việc phát sinh (nếu có) ngoài phạm vi hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện nhà thầu và chủ đầu tư; - Đề nghị thanh toán của nhà thầu bao gồm: Giá trị khối lượng hoàn thành theo Hợp đồng, giá trị khối lượng cho các công việc phát sinh (nếu có), giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán trong giai đoạn sau khi đã bù trừ các khoản này có xác nhận của đại diện nhà thầu và chủ đầu tư. - Hóa đơn chứng từ theo quy định. - Các tài liệu khác liên quan theo quy định của pháp luật
E-ĐKC 11	Bảo hành sản phẩm của dịch vụ: Không áp dụng.
E-ĐKC 12	Thời gian thực hiện hợp đồng: 450 ngày.
E-ĐKC 13.1	Thời gian bên nhận yêu cầu trả lời yêu cầu sửa đổi hợp đồng của Chủ đầu tư hoặc nhà thầu: 10 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu điều chỉnh hợp đồng, căn cứ yêu cầu cụ thể của nội dung điều chỉnh.
E-ĐKC 13.2 (e)	Các trường hợp khác: Không có.
E-ĐKC 14.2	Thời gian nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của

	chủ đầu tư. Trong trường hợp có thay đổi nhân sự thì Nhà thầu đề xuất nhân sự có năng lực kinh nghiệm tương đương hoặc cao hơn nhân sự đã đề xuất và phải được Chủ đầu tư chấp thuận bằng văn bản.
E-ĐKC 16.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[Ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT]</i> .
E-ĐKC 16.2	Tổng giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 10% giá hợp đồng.
E-ĐKC 16.4	Yêu cầu khác về nhà thầu phụ: Không
E-ĐKC 17	1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng. a) Nhà thầu bị phạt theo mức: 0,5% (36.836.096 VND) cho mỗi ngày chậm hoàn thành công việc theo hợp đồng. Tổng số tiền phạt không vượt quá 12% (884.066.295 VND) giá trị hợp đồng. Chủ đầu tư có thể khấu trừ khoản tiền phạt từ các khoản thanh toán của Nhà thầu. Khi quá thời gian chậm tương ứng với mức phạt 12% giá trị hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền đơn phương xem xét chấm dứt hợp đồng. 2. Vi phạm về chất lượng: Nhà thầu giao nộp hồ sơ và các tài liệu có liên quan không đạt yêu cầu, phải điều chỉnh lại nhiều lần thì nhà thầu phải chịu phạt tối đa đến 12% giá trị hợp đồng phần bị vi phạm. Đồng thời nhà thầu vẫn phải chịu phạt về chậm tiến độ như khoản 1 Điều này (nếu có). Tuy nhiên, tổng mức phạt của phần không quá 12% giá trị hợp đồng. Nhà thầu vi phạm do không hoàn thành đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu theo qui định trong hợp đồng thì nhà thầu phải làm lại cho đủ số lượng. 3. Phạt vi phạm thời gian làm hồ sơ quyết toán Nhà thầu chậm hoàn thiện hồ sơ quyết toán so với thời gian qui định của hợp đồng này (30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành hợp đồng) thì chịu phạt 30 triệu đồng. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm và đền bù mọi thiệt hại trong trường hợp Chủ đầu tư bị phạt chậm quyết toán do lỗi của nhà thầu chậm làm hồ sơ quyết toán. 4. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng - Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế;
E-ĐKC 19.1	Chấm dứt hợp đồng do sai phạm của nhà thầu: Chủ đầu tư

	có quyền chấm dứt Hợp đồng trong các trường hợp sau: - Nhà thầu bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của Chủ đầu tư; - Nhà thầu từ chối thực hiện công việc theo hợp đồng; - Nhà thầu không thực hiện công việc theo hợp đồng trong vòng 30 ngày liên tục dẫn tới vi phạm tiến độ thực hiện theo thỏa thuận hợp đồng, trừ trường hợp được phép của Chủ đầu tư; - Trường hợp đã tạm dừng thực hiện hợp đồng theo khoản ĐKC.17 mà Nhà thầu không khắc phục lỗi của mình trong khoảng thời gian hai mươi một ngày (21) ngày kể từ ngày bắt đầu tạm dừng theo thông báo và không có lý do chính đáng thì Chủ đầu tư có quyền chấm dứt hợp đồng. - Nhà thầu từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài (hoặc Tòa án Nhân dân) phân xử. Nhà thầu cố ý trình Chủ đầu tư các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 20	- Chấm dứt hợp đồng do lỗi của Chủ đầu tư: Chủ đầu tư chuyển nhượng hợp đồng cho người hoặc tổ chức khác mà không có sự chấp thuận của nhà thầu; - Sau 30 ngày liên tục công việc bị dừng do lỗi của Chủ đầu tư, trừ trường hợp bất khả kháng. Chủ đầu tư không gửi hồ sơ thanh toán lên Kho bạc nhà nước trong vòng 45 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.
E-ĐKC 22.2	- Giải quyết tranh chấp: Thời gian thương lượng, hòa giải: 28 ngày. Tranh chấp phát sinh hoặc được suy ra từ hợp đồng sẽ được giải quyết cuối cùng bởi Tòa Kinh tế thuộc Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.
E-ĐKC 23.1	Địa chỉ để hai bên thông báo cho nhau những thông tin theo quy định: - Địa chỉ liên lạc của Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____ - Địa chỉ liên lạc của Nhà thầu: _____

	Điện thoại: _____ Fax: _____ E-mail: _____
--	--